TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2022/HS-ST
Ngày: 29-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC G

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Hoa
2. Ông Nguyễn Ngọc Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện K sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Công- K sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2022/TLST- HS ngày 23 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lâm Văn N, sinh năm 1994; Tên gọi khác: Không); Nơi ĐKHKTT: Thôn Hồ Cao, xã Hương Sơn, huyện Lạng G, tỉnh Bắc G; Hiện ở: Thôn Vân Cốc 4, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 05/12; Con ông: Lâm Văn Độ; Con bà: Thi Thị Ním; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Hoàng Thị Thao; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tam giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2021 đến ngày 11/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, hiện tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1996 (Tên gọi khác: Không); Nơi ĐKHKTT: Thôn An Lạc 1, xã Xuân An, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; Hiện ở: Thôn Vân Cốc 4, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Nguyễn M Quảng (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Mười; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Đào Thị N; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tam giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2021 đến ngày 11/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, hiện tại ngoại (có mặt).

**** Bị hại:*** Công ty TNHH Vinacell Technology do anh Đinh Ngọc G, sinh năm 1989 là đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Song Khê 2, xã Song Khê, T phố Bắc G, tỉnh Bắc G.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Vi Văn C sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi cư trú: Đồng Thủy, xã Hương Sơn, huyện Lạng G, tỉnh Bắc G.

- Chị Đào Thị N, sinh năm 1997 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đồng Con 2, xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc G.

Người làm chứng:

- Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Trung Phụng Ngoài, xã Tân Hưng, huyện Lạng G, tỉnh Bắc G.

- Anh Thân Văn T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Thượng Phúc, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc G.

- Anh Đào Quang M, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Trung Mới, xã Kiên T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc G.

- Anh Lương Văn S, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Bình An, xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc G.

- Anh Nguyễn Sinh B, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản Mường, xã Bạch Đích, huyện Yên M, tỉnh Hà G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh T và Lâm Văn N làm cùng nhau tại xưởng sản xuất G4 của Công ty TNHH Vinacell Technology thuộc Khu Công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc G chuyên sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời. T làm chủ quản chịu trách nhiệm quản lý nhân lực, sản lượng sản xuất, chất lượng sản phẩm, N và anh Nguyễn Sinh B làm tổ phó tổ in lưới có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn công nhân làm việc, đảm bảo máy móc hoạt động ổn định và giám sát sản lượng tại xưởng sản xuất G4 của công ty. Trong quá trình làm việc, N và B sẽ thay nhau hoặc bảo một công nhân khác trong xưởng sản xuất nhận nguyên liệu keo bạc là nguyên liệu bạc dạng keo dùng để làm vi mạch tấm pin năng lượng mặt trời từ kho liệu của công ty mang về để ở tủ bảo quản ở trong xưởng sản xuất G4 để cho công nhân tự lấy sử dụng trong quá trình sản xuất. Khi kết thúc ca làm việc N, B sẽ thu keo bạc thừa bàn giao cho ca làm việc sau và thông báo số keo bạc thừa cho T để T nhập vào hệ thống theo dõi trên máy tính để công ty theo dõi cấp từ đó cấp bổ sung keo cho sản xuất. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 11/10/2021, trong quá trình làm việc tại xưởng sản xuất G4 Công ty TNHH Vinacell Technology, N rủ T lấy trộm nguyên liệu keo bạc của công ty đem về bán lấy tiền chia nhau. N bảo T, N trực tiếp lấy keo bạc đưa cho T mang ra khỏi công ty, sau đó T lại đưa số nguyên liệu keo bạc trộm cắp được cho N đi bán thì T đồng ý. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, N lấy hai hộp nhựa đựng 4,2 kg keo bạc thừa trong quá trình sản xuất để ở tủ bảo quản đổ vào 03 Ti nilon rồi đưa cho T cất giấu. Sau đó, T đút 02 Ti nilon đựng keo bạc vào hai Ti quần trước bên phải và bên trái, 01 Ti nilon đựng keo bạc vào Ti quần sau đang mặc của mình mang ra tủ để đồ cá nhân của T ở cửa xưởng sản xuất cất giấu vào Ti xách bằng da của T để trong tủ đồ để hết giờ làm việc thì mang ra khỏi công ty đưa cho N đem bán. Cất giấu keo bạc trộm cắp xong, N quay lại xưởng làm việc bình thường. Khoảng

20 giờ 30 phút ngày 11/10/2021, sau khi hết giờ làm, N đi về trước còn T ra tủ để đồ cá nhân của mình lấy Ti xách cất giấu 03 Ti nilon đựng nguyên liệu keo bạc trộm cắp mang ra đến cổng K soát công nhân ra vào xưởng sản xuất thì bị bảo vệ công ty phát hiện thu giữ toàn bộ số nguyên liệu keo bạc trộm cắp rồi báo Công an Đồn Quang Châu, huyện Việt Yên đến lập B bản bắt người phạm tội quả tang đối với T cùng vật chứng thu giữ gồm: 01 Ti dạng Ti da màu caro xám- đen, 03 Ti nilon đựng tổng cộng 4,2kg nguyên liệu keo bạc, 01 điện thoại di động Iphone 12 màu trắng bên trong lắp sim có số thuê bao 0854.132.336.

Ngày 12/10/2021, chị Đào Thị N là bạn gái ở C phòng với T tự nguyện giao nộp cho Công an Đồn Quang Châu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax của mình để phục vụ việc điều tra vụ án. Sau đó, Công an Đồn Quang Châu đã bàn giao T cùng hồ sơ vụ việc và toàn bộ vật chứng thu giữ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên để điều tra, xử lý theo thẩm quyền. Cùng ngày 12/10/2021, N biết T bị bắt nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax đồng thời khai nhận số tài sản trộm cắp cùng với T được đem bán cho anh Vi Văn C.

Hồi 18 giờ ngày 12/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T và N thuê trọ tại thôn Vân Cốc 4, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc G. Kết quả khám xét không thu giữ được tài liệu, đồ vật gì liên quan đến vụ án.

Căn cứ lời khai của bị cáo N về việc khai báo bán số nguyên liệu keo bạc trộm cắp được cho Vi Văn C. Ngày 14/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của C tại: thôn Đồng Thuỷ, xã Hương Sơn, huyện Lạng G, tỉnh Bắc G. Kết quả khám xét đã thu giữ tại ngăn kéo tủ quần áo và két sắt phòng ngủ của C số tiền 2.190.000.000 đồng và C tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu đen.

Ngày 18/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên định giá, xác định giá trị 4,2kg keo bạc thu giữ của T. Tại bản kết luận định giá tài sản số 131 ngày 21/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên kết luận: 4,2kg bạc trị giá 82.148.661 đồng.

Ngày 19/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên tiến hành khám nghiệm hiện trường, quá trình khám nghiệm hiện trường đã cho các bị cáo N, T tham dự. Kết quả khám nghiệm không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì, các bị cáo T, N đã chỉ chỗ trộm cắp nguyên liệu keo bạc và cất giấu keo bạc như các bị cáo khai nhận. Ngày 28/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã thu giữ được hình ảnh camera an ninh của công ty TNHH Vinacell Tachnology ghi lại hình ảnh các bị cáo trộm cắp keo bạc của công ty.

* Tại Bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 20/02/2022 của Viện K sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố các bị cáo T, N về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện K sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lâm Văm N và đề N Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lâm Văn N từ 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách là 05 năm đến 05 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 29/3/2022. Giao bị cáo N cho UBND xã Hương Sơn, huyện Lạng G, tỉnh Bắc G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng đến 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 29/3/2022. Giao bị cáo T cho UBND xã Xuân An, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo đề N xử lý theo quy định của pháp luật.

* Tại cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Tuyên, Nam T khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện K sát nhân dân huyện Việt Yên, K sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị hại; Người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra và truy tố đã có lời khai nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo N, T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 11/10/2021, tại xưởng sản xuất G4 của Công ty TNHH Vinacell Technology thuộc Khu Công nghiệp Vân Trung ở huyện Việt Yên, tỉnh Bắc G, bị cáo Lâm Văn N và Nguyễn Thanh T đã lợi dụng việc công ty không quản lý chặt chẽ nguyên liệu keo bạc trong quá trình sản xuất đã cấp cho các xưởng sản xuất. Các bị cáo N, T cùng nhau trộm cắp 4,2kg nguyên liệu keo

bạc thừa trong quá trình sản xuất tại xưởng sản xuất của các bị cáo. Sau đó, T một mình mang số nguyên liệu keo bạc trộm cắp được ra đến cổng K soát công nhân ra vào xưởng thì bị bảo vệ công ty phát hiện bắt giữ rồi báo Công an đến lập B bản bắt người phạm tội quả tang cùng toàn bộ vật chứng có liên quan. Biết hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện và bị cáo T đã bị bắt nên bị cáo N đến Công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tổng trị giá 4,2 kg nguyên liệu keo bạc các bị cáo trộm cắp là 82.148.661 đồng (Tám mươi hai triệu một trăm bốn tám nghìn sáu sáu mốt đồng) .

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là lợi dụng sơ hở của công ty có hành vi lén lút để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của công ty, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 82.148.661 đồng. Do đó, với hành vi như trên của các bị cáo N, T đã đủ yếu tố cấu T tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện K sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố các bị cáo N, T theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về vai trò và tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy:

Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giải đơn, các bị cáo đồng ý cùng nhau thực hiện việc trộm cắp tài sản của công ty, bị cáo N là người rủ bị cáo T lấy trộm nguyên liệu keo bạc của công ty đem về bán lấy tiền chia nhau, N bảo T, N là người trực tiếp lấy đưa cho T mang ra khỏi công ty, sau đó T đưa lại cho N đi bán thì T đồng ý. Trong vụ án này bị cáo N có vai trò cao hơn bị cáo T, bị cáo là người rủ rê bị cáo T cùng trộm cắp tài sản, là người trực tiếp lấy tài sản đưa cho T cất giấu. Bị cáo T khi được N rủ cùng trộm cắp tài sản thì T đồng ý, T giúp sức tích cực cất giấy tài sản trộm cắp. Như vậy, xét vai trò của các bị cáo trong vụ án này thì bị cáo N có vai trò cao hơn, bị cáo T có vai trò đồng phạm giúp sức tích cực nên Hội đồng xét xử cần phải xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã có hành vi lén lút để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của công ty nơi các bị cáo làm việc, các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công ty được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, vụ án cần phải được xử lý nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa C đối với loại tội phạm này.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo N, T đã T khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, bị cáo N sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Các bị cáo N, T đều có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo N, T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, đánh giá về vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo N, T lần đầu phạm tội, có thái độ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này các bị cáo không còn lần phạm tội nào khác, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ giáo dục bị cáo trở T người tốt và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 2 N quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cành gia đình khó khăn, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo cũng là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Công ty TNHH Vinacell Technology đã được Công an trả lại số keo bạc bị mất theo đề N của các bị cáo và được hai bị cáo N, T bồi thường số tiền 82.000.000 đồng do keo bạc trộm cắp bị hỏng không dùng được trong sản xuất. Đến nay, anh Đinh Ngọc G là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH Vinacell Technology không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 04 chiếc điện thoại thu giữ nêu trên, Cơ quan điều tra đã tiến hành K tra điện thoại nhưng không phát hiện các nội dung liên quan đến hành vi phạm tội hay hành vi vi phạm pháp luật và đều là tài sản, đồ vật của các bị cáo và người liên quan, không sử dụng vào việc phạm tội. Số tiền thu giữ của Vi Văn C là tài sản của gia đình C. 03 Ti nilon chứa 4,2kg keo bạc là tài sản của công ty TNHH Vinacell Technology bị trộm cắp. Cơ quan điều tra đã trả lại diện thoại di động, tiền, keo bạc cho các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và công ty TNHH Vinacell Technology. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 Ti dạng Ti da màu caro xám-đen là tài sản của bị cáo T dùng để đựng keo bạc trộm cắp. Xét thấy đây là công cụ bị cáo T đựng tài sản trộm cắp, chiếc Ti này giá trị sử dụng thấp nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Các vấn đề khác:

- Quá trình điều tra bị cáo Lâm Văn N khai nhận trước khi trộm cắp keo bạc thì bị cáo N có thỏa thuận với anh C là bán keo bạc trộm cắp được cho anh C nhưng chưa bán được lần nào. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với anh C thì

anh C xác định không bao giờ thỏa thuận hay mua keo bạc của bị cáo N. Ngoài lời khai của N ra, không có chứng cứ nào khác, Cơ quan điều tra đã cho anh C và bị cáo N đối chất với nhau nhưng anh C không thừa nhận. Tại phiên tòa bị cáo N và anh C vẫn giữ nguyên lời khai. Do đó, không có căn cứ chứng M bị cáo N có thỏa thuận với anh C là bán keo bạc trộm cắp được cho anh C. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với anh Nguyễn Sinh B là người làm cùng ca với bị cáo T và bị cáo N, chị Đào Thị N ở cùng với bị cáo T nhưng không biết việc các bị cáo trộm cắp tài sản của công ty nên không vi phạm pháp luật.

[11] Về án phí:

Các bị cáo N, T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và quy định tại Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền kháng cáo theo Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lâm Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 29/3/2022. Giao bị cáo Lâm Văn N cho UBND xã Hương Sơn, huyện Lạng G, tỉnh Bắc G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Lâm Văn N.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 29/3/2022. Giao bị cáo Nguyễn Thanh T cho UBND xã Xuân An, huyện An Lập, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Thanh T.

Trường hợp các bị cáo N, T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

[2] Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 Ti dạng Ti da màu caro xám-đen.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Buộc các bị cáo Lâm Văn N, Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc G;
- VKSND tỉnh Bắc G;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc G;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Công an huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Các bị cáo;
- Bị hại vắng mặt;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc G;
- VKSND tỉnh Bắc G;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc G;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Công an huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Các bị cáo;
- Bị hại; Người CQLNVLQ vắng mặt;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân